

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1) (Đợt 2)

- Căn cứ Tờ trình số 02 /TTr-HĐBT ngày 08/05/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Lam Sơn về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1) (Đợt 2);

- Căn cứ hồ sơ, tài liệu và các quy định của pháp luật có liên quan. Phòng Kinh tế thẩm định phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cụ thể như sau:

TT	Đối tượng QL, SD	Địa chỉ (Thôn)	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Diện tích nguyên thửa	Diện tích thu hồi			Tiền bồi thường về đất (đồng)	Tiền hỗ trợ đất NN liên kết đất ở (đồng)	Tiền bồi thường VKT (đồng)	Tiền bồi thường cây cối, hoa màu (đồng)	Tổng thành tiền (đồng)
							Tổng (m2)	Trong đó						
								Diện tích thực hiện dự án (m2)	Diện tích bị ảnh hưởng (m2)					
I	Tiền bồi thường, hỗ trợ					2.570,40	381,00	381,00	0,00	865.195.000	2.637.435.500	141.759.464	24.226.000	3.668.618.000
1	Đình Thị Hoa	Thôn 9	43	63	BHK	154,5	3,7	3,7		166.500	31.377.850	5.591.000	1.982.000	39.117.000
2	Lê Đình Tuyển (Nguyễn Thị Quế)	xã Thọ Xuân	43	54	BHK	123,4	7,4	7,4		333.000	62.755.700	7.104.184	-	70.193.000
3	Lê Văn Hoan	Thôn 9	43	44	CLN	154,3	6,0	6,0		270.000	50.883.000	1.134.750	750.000	53.038.000
4	Lê Văn Thức (Phạm Thị Phương Thảo)	Thôn Hữu Lễ 3	43	47	CLN	151,1	40,1	40,1		1.804.500	340.068.050	-	-	341.873.000
5	Nguyễn Danh Sơn (Lê Thị Côi)	Thôn Hương 1, Xuân Hòa	43	56	ONT+C LN	272,0	147,2	147,2		854.674.000	654.694.600	-	4.760.000	1.514.129.000
6	Nguyễn Khắc Hải	Thôn 9	43	46	BHK	168,8	35,4	35,4		1.593.000	300.209.700	13.852.550	3.132.000	318.787.000
7	Nguyễn Khắc Thành	Thôn 9	43	48	BHK	144,4	45,9	45,9		2.065.500	389.254.950	60.007.690	6.193.800	457.522.000
8	Nguyễn Thị Mai	Thôn 9	43	55	BHK	162,4	25,7	25,7		1.156.500	217.948.850	-	3.765.400	222.871.000
9	Phạm Quốc Quyền	Thôn 9	43	53	BHK	123,5	6,7	6,7		301.500	56.819.350	9.482.000	310.000	66.913.000
10	Phạm Quốc Hội	Thôn 9	43	52	BHK	386,9	15,1	15,1		679.500	128.055.550	20.279.450	612.000	149.627.000
11	Phạm Thị Năm (Nguyễn Trí Tâm)	Thôn 9	43	45	BHK	307,6	37,3	37,3		1.678.500	316.322.650	11.301.000	2.471.000	331.773.000
12	Trịnh Xuân Chương	Thôn 9	43	64	BHK	184,4	2,7	2,7		121.500	22.897.350	0	-	23.019.000
13	Trịnh Xuân Thoa	Thôn 9	43	51	BHK	237,1	7,8	7,8		351.000	66.147.900	13.006.840	250.000	79.756.000
II	Kinh phí Ban GPMB (3%)													110.059.000
	Trong đó: Kinh phí thẩm định													5.503.000
III	Kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (0,57%)													10.769.000
TỔNG (I+II+III)														3.789.446.000

NGƯỜI THẨM ĐỊNH

Lê Thị Hạnh

